

BÀI 8. ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI

A MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng và ảnh hưởng của nó đến sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ.

- Trình bày được những đặc điểm chính của chế độ xã hội của Ấn Độ thời cổ đại.
- Nhận biết được những thành tựu văn hóa của Ấn Độ thời cổ đại.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Đọc và chỉ được thông tin quan trọng trên lược đồ.
- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại.

II CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Phiếu học tập.
- Lược đồ Ấn Độ cổ đại phóng to, lược đồ Ấn Độ ngày nay.
- Video về một số nội dung trong bài học.

2. Học sinh

Tranh, ảnh và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

GV cần nhấn mạnh:

- Mục 1: Những con sông lớn như sông Ấn, sông Hằng có vai trò rất lớn trong lịch sử Ấn Độ: bồi đắp những đồng bằng phì nhiêu, rộng lớn, hình thành những nền văn minh sớm nhất của nhân loại. Điểm này có nét tương đồng với các quốc gia phương Đông cổ đại: (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc).

- Mục 2: Chế độ đẳng cấp Vác-na là chế độ phân chia xã hội thành các đẳng cấp dựa trên sự phân biệt về màu da và chủng tộc. Trước khi vào vùng Bắc Ấn, trong xã hội của người A-ri-a đã có sự phân chia thành các nhóm người theo nghề nghiệp, địa vị khác nhau, nhưng họ cùng là người da trắng. Khi vào Ấn Độ, người A-ri-a đẩy toàn bộ người Dra-vi-đa bản địa xuống đẳng cấp thứ tư. Từ đó, sự phân biệt ngày càng thêm khắt khe với những quy định khắc nghiệt hơn.

- Mục 3: Kể được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại và phân tích ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đến văn hóa Đông Nam Á trên các lĩnh vực: chữ viết, văn học, tôn giáo.

Trong mục này, khi đề cập về bộ sử thi *Ra-ma-y-a-na* của Ấn Độ, GV liên hệ với khu vực Đông Nam Á, nhiều nước có phiên bản *Ra-ma-y-a-na* dưới các tên gọi khác nhau: *Riêm Kê* (của Cam-pu-chia), *Ra-ma-kien* (của Thái Lan), *Ra-ma-y-a-na* (của In-đô-nê-xi-a), *Dạ Thoa Vương* (của Chăm-pa).

IV GỢI Ý CÁCH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

1. Mở đầu

Cách 1: GV có thể sử dụng hình 1 trong SGK để khởi động vào bài mới. Cho HS quan sát hình và trả lời câu hỏi: *Em có biết vì sao lễ hội tôn giáo này thu hút đông đảo người dân Ấn Độ tham gia?* (Gợi ý trả lời: Vì đó là một nghi lễ tôn giáo thiêng liêng, người Ấn tin rằng khi tắm nước sông Hằng thì tội lỗi của họ sẽ được gột rửa).

GV có thể dẫn dắt: Lễ hội này có nguồn gốc từ xa xưa, cho đến ngày nay vẫn được duy trì và là một trong những lễ hội tôn giáo lớn nhất thế giới. Vậy, sông Hằng và sông Ấn – những con sông lớn nhất Ấn Độ, đã có vai trò như thế nào trong việc hình thành, phát triển nền văn minh Ấn Độ cổ đại? Nền văn minh đó đã để lại những di sản gì cho nhân loại?

Cách 2: Cho HS quan sát hình ảnh quốc huy của Ấn Độ, dẫn dắt đến biểu tượng cột đá A-sô-ca – một trong những đỉnh cao về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc của Ấn Độ cổ đại. Từ đó, GV dẫn dắt vào bài: Là một trong những nền văn minh cổ xưa rực rỡ nhất thế giới, Ấn Độ đã sản sinh ra rất nhiều thành tựu văn hóa. Vậy nền văn minh Ấn Độ đã được tạo dựng từ những nền tảng nào và những giá trị mà người Ấn Độ cổ đại trao truyền đến ngày nay là gì?

3. Hình thành kiến thức mới

Mục 1. Điều kiện tự nhiên

a) Nội dung chính

– Vị trí địa lý: là bán đảo ở Nam Á, có ba mặt giáp biển, nằm trên trực đường biển từ Tây sang Đông. Phía bắc được bao bọc bởi dãy Hi-ma-lay-a – một vòng cung khổng lồ.

– Địa hình:

+ Ấn Độ có đồng bằng sông Ấn, sông Hằng lớn vào loại bậc nhất thế giới, được phủ sa mạc mỡ của hai con sông này bồi tụ.

+ Miền Trung và miền Nam là cao nguyên Đê-can với núi đá hiểm trở, đất đai khô cằn.

+ Vùng cực Nam và dọc hai bờ ven biển là những đồng bằng nhỏ hẹp.

– Khí hậu: Lưu vực sông Ấn khí hậu khô nóng, ít mưa. Ở lưu vực sông Hằng có gió mùa nên lượng mưa nhiều.

b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác

Hình 2. Lược đồ Ấn Độ cổ đại: Lược đồ này giúp HS hình dung một cách tương đối về lãnh thổ, địa hình Ấn Độ thời cổ đại: ba mặt Đông, Nam và Tây giáp biển, mặt Bắc được giới hạn bởi dãy Hi-ma-lay-a hùng vĩ. Miền Bắc và Tây Bắc Ấn Độ là đồng bằng của hai con sông Ấn và Hằng; miền Trung và miền Nam là cao nguyên Đê-can,...

c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học

– GV cho HS quan sát lược đồ hình 2 trong SGK, yêu cầu HS mô tả vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại.

+ Sau đó, có thể cho HS kết hợp quan sát lược đồ Ấn Độ ngày nay để xác định được lãnh thổ Ấn Độ cổ đại bao gồm những quốc gia nào hiện nay.

Yêu cầu cần đạt: HS biết kết hợp, giới thiệu vị trí địa lí của Ấn Độ cổ đại trên lược đồ. Từ đó xác định được tên các quốc gia hiện nay tương ứng với lãnh thổ Ấn Độ thời cổ đại: Ấn Độ, Băng-la-đét, Nê-pan, Bu-tan, Pa-ki-xtan, Áp-ga-ni-xtan.

- GV yêu cầu HS đọc SGK, thảo luận theo cặp đôi để trả lời câu hỏi trong Phiếu học tập: *Hãy cho biết nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng ở Ấn Độ.*

- GV gợi ý để HS trả lời, đảm bảo các ý sau:

+ Sông Ấn và sông Hằng: là hai con sông lớn, lượng phù sa màu mỡ, bồi đắp đồng bằng rộng lớn, cung cấp nguồn nước dồi dào cho lưu vực của các con sông đó. Đây là một trong những nơi đã hình thành nền văn minh sớm nhất của nhân loại.

+ Miền Trung và miền Nam là cao nguyên Đê-can, khí hậu khô nóng, đất đai cằn cỗi, không mấy thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Chỉ có một vài đồng bằng nhỏ hẹp ở vùng cực Nam và dọc theo hai bờ ven biển là nơi quần cư tương đối đông đúc và nhộn nhịp.

+ Khí hậu ở miền Bắc Ấn và Nam Ấn khác nhau nên có ảnh hưởng đến văn hoá Bắc Ấn và Nam Ấn.

+ Ấn Độ có ba mặt giáp biển, nằm trên trực đường biển từ Tây sang Đông, nên thương mại đường biển sớm phát đạt, tạo điều kiện giao lưu kinh tế và văn hoá giữa Ấn Độ với các khu vực khác.

Yêu cầu cần đạt: HS không chỉ nêu được những đặc điểm của điều kiện tự nhiên mà còn phân tích được tác động của những điều kiện đó tới sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ cổ đại.

- GV có thể đặt câu hỏi mở rộng: *Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống và khác so với Ai Cập và Lưỡng Hà?*

HS cần huy động kiến thức đã học trước đó về Ai Cập và Lưỡng Hà để phân tích, so sánh điều kiện tự nhiên với Ấn Độ, từ đó rút ra điểm giống và khác nhau theo gợi ý dưới đây:

Giống nhau:

Đều có những dòng sông lớn (sông Nin, sông Ti-gơ-rơ, sông O-phơ-rát, sông Ấn, sông Hằng) bồi tụ nên các đồng bằng rộng lớn.

Khác nhau:

+ Lãnh thổ Ấn Độ thời cổ đại là một vùng rộng lớn.

+ Ấn Độ có địa hình và khí hậu khác nhau ở mỗi miền.

+ Ấn Độ có ba mặt giáp biển, nằm trên trực đường biển từ Tây sang Đông.

Mục 2. Chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại

a) Nội dung chính

- Người Dra-vi-đa: được biết đến là chủ nhân của nền văn minh ven bờ sông Ấn – nền văn minh cổ xưa nhất ở Ấn Độ. Ngày nay, họ là những tộc người thiểu số cư trú ở miền Nam bán đảo Ấn Độ.

- Sự xâm nhập của người A-ri-a vào miền Bắc Ấn, mở ra thời kì chuyển biến sang xã hội có giai cấp và nhà nước. Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp Vác-na, chia xã hội Ấn

Độ thành bốn đẳng cấp dựa trên sự khác biệt về tộc người và màu da, mỗi đẳng cấp có bốn phận, nghĩa vụ khác nhau.

b) *Tư liệu, kênh hình cần khai thác*

- Sơ đồ chế độ đẳng cấp Vác-na: cho thấy các đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ, hai đẳng cấp trên chiếm số ít trong xã hội nhưng thống trị hai đẳng cấp dưới.

- Về màu sắc, ba đẳng cấp trên được thể hiện cùng một màu, biểu thị họ cùng là tộc người da trắng A-ri-a, còn đẳng cấp cuối cùng – Su-đra, thể hiện bằng màu vàng, biểu thị sự khác biệt về màu da, tộc người với ba đẳng cấp trên. Họ là những người bản địa, da màu – người Dra-vi-đa.

- Theo các nhà nghiên cứu, trước khi vào Ấn Độ, người A-ri-a – vốn là những tộc người du mục – đang trong giai đoạn tan rã của thị tộc, xã hội của họ đã xuất hiện các tầng lớp làm các việc khác nhau: tăng lữ – quý tộc, vũ sĩ, bình dân. Khi vào Ấn Độ, người A-ri-a đã đẩy toàn bộ người Dra-vi-đa xuống thân phận nô lệ, phục vụ hầu hạ họ. Sự phân biệt đẳng cấp vốn đã có từ trước, cộng thêm sự phân biệt về chủng tộc, màu da, đã tạo ra hệ thống bốn đẳng cấp, gọi là chế độ đẳng cấp Vác-na.

- Ngoài ra, trong xã hội Ấn Độ còn những người xuất thân thấp kém nhất gọi là Pa-ri-a (người “không được sờ mó”). Họ phải làm những công việc bị coi là không trong sạch như là quét dọn rác rưởi, chôn cất xác chết, làm nghề đao phủ,... Họ phải sống ở ngoài thôn xóm và chỉ được đi vào thôn xóm vào ban ngày với dấu hiệu đặc biệt trên quần áo. “Những người không được sờ mó” không được phép tới gần giếng nước chung của xóm. Họ phải ăn thức ăn đựng trong bát đĩa vỡ, phải dùng những đồ đạc mà người khác đã bỏ đi.

c) *Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học*

- GV cho HS khai thác thông tin trong SGK quan sát sơ đồ hình 3 và trả lời câu hỏi: *Nêu những điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại.*

+ Đề gợi ý cho HS trả lời câu hỏi trên, GV có thể đưa ra các câu hỏi: *Chế độ đẳng cấp Vác-na là gì? Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp này như thế nào? Em có nhận xét gì về sự phân chia xã hội theo chế độ đẳng cấp Vác-na?*

+ GV sử dụng nội dung phần *Kết nối với văn hóa để nhấn mạnh, mở rộng khi giải thích về chế độ đẳng cấp Vác-na.*

Yêu cầu cần đạt: HS hiểu và trả lời được chế độ đẳng cấp Vác-na là gì chính là trả lời cho câu hỏi về điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn Độ: Trong xã hội Ấn Độ, hai đẳng cấp trên (Bra-man và Ksa-tri-a) chiếm số ít trong xã hội nhưng thống trị hai đẳng cấp dưới (Vai-si-a và Su-đra). Về màu sắc, ba đẳng cấp trên cùng là tộc người da trắng A-ri-a; còn đẳng cấp cuối cùng – Su-đra, là những người bản địa, da màu – người Dra-vi-đa. Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp bằng cách xua đuổi người Dra-vi-đa và biến họ thành đẳng cấp thứ tư dựa trên sự phân biệt chủng tộc và màu da.

HS vận dụng ở mức độ đơn giản để hiểu rõ về sự phân chia xã hội theo theo đẳng cấp dựa trên sự khác biệt về tộc người và màu da; đưa ra được đánh giá đó là chế độ xã hội bất

bình đẳng, thể hiện sự phân biệt, áp bức của người da trắng đối với người da màu rất khắc nghiệt, đáng lên án,...

Mục 3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu

a) Nội dung chính

Nền văn minh Ấn Độ cổ đại có nhiều thành tựu rực rỡ trên nhiều lĩnh vực, đóng góp lớn cho nền văn minh nhân loại:

Chữ viết: nhiều loại chữ cổ, trong đó chữ Phạn có ảnh hưởng rất lớn đến Ấn Độ và Đông Nam Á sau này.

Văn học: hai bộ sử thi vĩ đại có sức ảnh hưởng lớn đó là *Ma-ha-bha-ra-ta* và *Ra-ma-y-a-na*.

Tôn giáo: ra đời nhiều tôn giáo lớn như đạo Bà La Môn, đạo Phật.

Kiến trúc: tiêu biểu là cột đá A-sô-ca và đài bảo tháp San-chi.

Lịch pháp: làm ra lịch.

Toán học: tạo ra hệ số có 10 chữ số, đặc biệt có giá trị là chữ số 0.

b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác

– Hình 6 và mục *Kết nối với văn học* giới thiệu ngắn gọn về giá trị của hai bộ sử thi vĩ đại của người Ấn. Người Ấn Độ thường tự hào rằng “Cái gì không có trong *Ma-ha-bha-ra-ta* thì cũng không thể tìm thấy ở bất cứ nơi đâu trên đất nước Ấn Độ”. Trong khi đó thì sử thi *Ra-ma-y-a-na* lại có sức ảnh hưởng rất lớn ở Đông Nam Á, hầu như nước nào cũng có một bộ sử thi có nội dung được mô phỏng từ *Ra-ma-y-a-na* của người Ấn.

– Hình 5. Kí tự tượng hình khắc trên một con dấu bằng đất nung được tìm thấy ở Ha-ráp-pa. Người ta đã tìm thấy hơn 500 kí tự tượng hình được khắc trên những con dấu bằng đất nung. Cho đến nay, mặc dù chưa tìm ra được cách giải mã những kí tự này, nhưng các nhà khoa học cho rằng cư dân Ấn Độ cổ đại đã sáng tạo ra chữ viết sớm nhất thế giới.

– Hình 7. Hệ thống 10 chữ số mà người Ấn Độ cổ đại phát minh ra: Người Ấn Độ đã sáng tạo ra kí hiệu chữ số từ 1 đến 9, sau đó thêm số 0. Có giả thuyết cho rằng, số “0” xuất hiện vào Vương triều Gúp-ta, sau hơn 1 000 năm phát minh kí hiệu chữ số từ 1 đến 9. Cũng có giả thuyết rằng kí tự 0 được phát minh ra vào thế kỷ đầu tiên, khi triết học Phật giáo về Shny-y-a-ta (Không tính) đang thịnh hành. Khi mới xuất hiện, người ta dùng một điểm để biểu thị nó chứ không phải vòng tròn như sau này.

Bởi vì chữ số Ấn Độ đơn giản, tiện lợi, nên người Ả Rập sử dụng nó rộng rãi, truyền đến châu Âu, dần thay cho chữ số La Mã dài dòng phức tạp. Vì vậy, người châu Âu gọi chúng là “chữ số Ả Rập”, trong khi chính người Ả Rập gọi hệ chữ số này là “chữ số Ấn Độ”.

– Hình 8. Đầu trụ cột đá A-sô-ca và mục *Kết nối với ngày nay*: minh chứng cho nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc nổi bật của Ấn Độ thời cổ đại, được vua A-sô-ca cho khắc dựng tại thánh địa ở Sa-nat (vì thế còn có tên gọi là cột đá Sa-nat) khi nhà vua đến chiêm bái thánh tích này.

Tại đây, Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên và tăng đoàn đầu tiên cũng được thành lập tại chính nơi đây. Trụ đá này cao khoảng 15,24m, trên trụ đá có khắc chỉ dụ của vua A-sô-ca: “Không ai được gây chia rẽ trong tăng đoàn”. Nét đặc biệt là đầu trụ được khắc bốn con sư tử, dựa lưng vào nhau, đặt trên một trụ ngắn tròn. Trên bề mặt của trụ ngắn này có bốn bánh xe

pháp luân xen kẽ với bốn con vật xung quanh: một con voi, một con bò đực, một con ngựa và một con sư tử. Tiếp nối với đoạn hình trụ là đế bán cầu hình hoa sen dốc ngược.

Bốn đầu sư tử quay về bốn hướng ý muốn nói những lời thuyết pháp của Đức Phật được truyền bá khắp bốn phương. Bánh xe tượng trưng cho Phật pháp luân chuyển khắp mọi nơi mọi chốn. Sau này, các tổ chức Phật giáo chọn hình ảnh bánh xe pháp luân để trang trí hay làm biểu tượng với ý nghĩa tương tự.

Bốn đầu sư tử còn là biểu tượng cho những nền tảng căn bản của Phật pháp là: chân lí, hoà bình, lòng khoan dung và lòng từ bi. Biểu tượng này cùng với hàng chữ văn tự “Satyameva Jayate” nghĩa là “Chỉ có chân lí là chiến thắng” (Truth Alone Triumphs) được chọn làm Quốc huy Ấn Độ.

Khi chọn đầu trụ đá bốn con sư tử của A-sô-ca, một vị vua – Phật tử làm Quốc huy của đất nước, các nhà lãnh đạo Ấn Độ muốn biểu dương và noi gương tinh thần trị quốc an dân bằng đạo đức của vị vua anh minh này, nhằm hướng đến một xã hội thái bình, thịnh vượng. Ngày nay, đạo Phật không còn hưng thịnh trên đất Ấn Độ, nhưng sâu thẳm trong triết lí sống, văn hoá, sinh hoạt và thơ nhạc, người Ấn thể hiện tinh thần, tính chất và nội hàm của đạo Phật rất nhiều.

– *Hình 9. Đại bảo tháp San-chi – đỉnh cao của nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ*, toạ lạc tại làng San-chi, là một trong những quần thể di tích Phật giáo nổi tiếng với các ngôi tháp, chùa và tu viện lớn. Công trình kiến trúc này do vua A-sô-ca cho xây dựng. Đại bảo tháp San-chi là biểu trưng cho cuộc đời và hành trình của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học

– GV yêu cầu HS khai thác nội dung SGK và trả lời câu hỏi: *Em hãy kể tên các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.*

+ GV có thể phát phiếu học tập để HS hoàn thiện về thành tựu trên từng lĩnh vực hoặc khuyến khích HS sáng tạo cách thức trả lời như sơ đồ hoá, lập bảng hệ thống,...

Yêu cầu cần đạt: HS kể được các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.

– GV có thể đặt câu hỏi mở rộng cho HS để rèn luyện kỹ năng trình bày, nhận xét: *Em ấn tượng nhất với di sản nào của nền văn minh Ấn Độ cổ đại? Vì sao?*

Yêu cầu cần đạt: HS chỉ cần nêu thành tựu mà mình ấn tượng nhất và giải thích lí do theo ý kiến cá nhân.

4. Luyện tập và vận dụng

Câu 1. Sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại được biểu hiện:

HS cần phân tích được các biểu hiện của sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại thông qua chế độ đẳng cấp Vác-na:

+ Vì sao gọi là Vác-na.

+ Nguồn gốc của chế độ Vác-na.

+ Nội dung biểu hiện: Xã hội bất bình đẳng, quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của các đẳng cấp thể hiện sự phân biệt, áp bức khắc nghiệt.

Câu 2. HS cần trả lời được theo gợi ý: Ấn Độ là nơi sản sinh ra nhiều tôn giáo (Phật giáo, Ấn Độ giáo) và các bộ sử thi lớn (*Ma-ha-bha-ra-ta* và *Ra-ma-y-a-na*), phát minh ra số 0.

V TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Phật giáo: Ra đời vào thế kỉ VI TCN, ở miền Bắc Ấn (nay thuộc lãnh thổ nước Nê-pan). Người sáng lập Phật giáo là Thích Ca Mâu Ni (nghĩa là “Ông thánh” hay “Nhà hiền triết” của tộc người Thích Ca). Sau khi ra đời, Phật giáo được truyền bá rất mạnh ở khắp nơi trên đất nước Ấn Độ. Dưới Vương triều Mô-ri-a, đặc biệt là thời kì cầm quyền của vua A-sô-ca (giữa thế kỉ III TCN), Phật giáo được bảo trợ và phát triển mạnh mẽ ra ngoài lãnh thổ Ấn Độ. Nhiều đoàn truyền giáo đạo Phật đã được cử đến khắp nơi từ Âu sang Á, đến tận Hy Lạp, các nước Trung Á, Trung Đông, cũng như Trung Quốc, Miến Điện và Xri Lan-ca.

– Thích Ca Mâu Ni: Thích Ca Mâu Ni tên thật là Xit-đac-ta Gô-ta-đa (Siddharta Gautama), vốn là con đầu của vua Tịnh Phạn. Năm 29 tuổi, ông quyết định từ bỏ cuộc đời vương giả của một thái tử để đi tu, tìm đường diệt khổ cho chúng sinh. Sau 6 năm, ông đã “ngộ đạo” và trở thành Thích Ca Mâu Ni, lấy hiệu là But-ha, có nghĩa là “người giác ngộ” (Trung Quốc dịch là Phật).

– Đại bảo tháp San-chi, trụ đá A-sô-ca: Hướng dẫn HS tìm hiểu thêm trên internet.

– Phát minh ra số 0 – con số nhiều quyền lực nhất lịch sử: <https://www.youtube.com/watch?v=Lic7cvYuulU&feature=share>